



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
8 Hoang Quoc Viet, Ha noi; Tel: (+84 4) 7911552; Fax: (+84 4) 7911551; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 153.2021/QĐ-VPCNCL ngày 16 tháng 03 năm 2021
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ *in Vietnamese*: **VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG**

Tiếng Anh/ *in English*: **BUREAU OF QUALITY CERTIFICATION (BQC)**

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 011 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ đăng ký kinh doanh / Registered Address:

Tầng 4, số 3F, ngõ Tuổi trẻ (phố Đặng Thùy Trâm), đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà nội
4th floor, 3F, Tuoi Tre Alley (Dang Thuy Tran Street), Hoang Quoc Viet Street, Cau Giay District, Hanoi.

Trụ sở chính/ Head office:

Phòng 1005, Tòa 2B, Vinatower, 289 đường Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Room 1005, Building 2B Vinatower, 289 Khau Duy Tien Road, Trung Hoa Ward, Cau Glay District, Hanoi.

Tel: (+84) 24 6688 4256

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

ISO/IEC 17065: 2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/ *Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.*

NGÀY BAN HÀNH/ Issue date

Ngày 16 tháng 03 năm 2021

Dated 16th March, 2021



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Ha noi; Tel: (+84 4) 7911552; Fax: (+84 4) 7911551; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm theo phương thức 5, 1b theo ISO/IEC 17067: 2013 (tương ứng với phương thức 5, 7 theo thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ) cho các sản phẩm sau đây/ *Product certification in accordance with system 5, 1b of ISO/IEC 17067: 2013 (equivalents to system 5, 7 of Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12 December, 2012 of Ministry of Science and Technology) for the following products:*

Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi

Food, animal feed

Stt No	Tên sản phẩm Name of product	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận theo 28/2012/TT- BKHCN Certification system according to 28/2012/TT- BKHCN
1.	Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm <i>Feeds for livestock</i>	QCVN 01-183: 2016/BNNPTNT	QĐR.01	5
2.	Nước uống các loại <i>Drinking water</i>	QCVN 01: 2009/BYT QCVN 10: 2011/BYT QCVN 6-1: 2010/BYT	QĐR.24	5, 7
3.	Đồ uống không cồn <i>Soft drinks</i>	QCVN 6-2: 2010/BYT	QĐR.25	5, 7
4.	Đồ uống có cồn <i>Alcoholic beverages</i>	QCVN 6-3: 2010/BYT	QĐR.26	5, 7
5.	Sữa và các sản phẩm từ sữa <i>Milk and dairy products</i>	QCVN 5-1: 2010/BYT QCVN 5-2: 2010/BYT QCVN 5-3: 2010/BYT QCVN 5-4: 2010/BYT QCVN 5-5: 2010/BYT	QĐR.27	5, 7
6.	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp <i>Synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods</i>	QCVN 12-1: 2011/BYT;	QĐR.28-1	5, 7
7.	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng cao su <i>Ruber implements, container and packaging in direct contact with foods</i>	QCVN 12-2: 2011/BYT	QĐR.28-3	5, 7
8.	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại	QCVN 12-3: 2011/BYT;	QĐR.28-2	5, 7



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Ha noi; Tel: (+84 4) 7911552; Fax: (+84 4) 7911551; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

Stt No	Tên sản phẩm Name of product	Tiêu chuẩn Standard	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận theo 28/2012/TT- BKHCN Certification system according to 28/2012/TT- BKHCN
	<i>Metalic containers in direct contact with foods</i>			
9.	Bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm <i>Hygiene glass, ceramic, porcelain and enameled implements, containers, and packaging in direct contact with food</i>	QCVN 12-4: 2015/BYT	QĐR.28-4	5, 7

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 16 tháng 03 năm 2024
This Accreditation Schedule is effective until 16th March, 2024